

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1958 /QĐ-UBND

Bình Thuận, ngày 14 tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án
Khai thác khoáng sản đất dăm sạn bồi nền tại xã Tân Thuận,
huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

*Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của
Chính phủ Quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường
chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết,
hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;*

*Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác
động môi trường của Dự án Khai thác khoáng sản đất dăm sạn bồi nền tại xã
Tân Thuận, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận họp ngày 18 tháng 5
năm 2020 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thuận, huyện Hàm Thuận Nam;*

*Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khai
thác khoáng sản đất dăm sạn bồi nền tại xã Tân Thuận, huyện Hàm Thuận
Nam, tỉnh Bình Thuận đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm theo nội dung giải
trình tại văn bản số 49/TTr-LPY ngày 22 tháng 7 năm 2020 của Công ty
TNHH Một thành viên Lê Phương Ý;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình
số 396/TTr-STNMT ngày 06 tháng 8 năm 2020.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khai thác khoáng sản đất dăm sạn bồi nền (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Một thành viên Lê Phương Ý (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Tân Thuận, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, PCTUBND tỉnh Lê Tuấn Phong;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Quỹ Bảo vệ môi trường;
- UBND huyện Hàm Thuận Nam;
- UBND xã Tân Thuận;
- Công ty TNHH Một thành viên Lê Phương Ý;
- Lưu: VT, TTTT, KT. Vương.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Ký bởi: Ủy ban
Nhân dân tỉnh
Bình Thuận
Ngày ký:
14.08.2020
08:05:16 +07:00

Lê Tuấn Phong

PHỤ LỤC

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

(Kèm theo Quyết định số 1958 /QĐ-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận).

1. Thông tin về dự án:

- Tên dự án: Khai thác khoáng sản đất dăm sạn bồi nên.
- Chủ dự án: Công ty TNHH Một thành viên Lê Phương Ý.
- Địa chỉ liên hệ: Xã Tân Thuận, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.
- Người đại diện: Ông Lê Hồng Thông - Điện thoại: 02523.811.024
- Địa chỉ liên hệ: 145 Tuyên Quang, phường Phú Thủy, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.
- Mục tiêu dự án: Khai thác đất dăm sạn bồi nên phục vụ nhu cầu san lấp, xây dựng công trình tại địa phương và các huyện lân cận; góp phần tăng ngân sách địa phương và ngân sách chung của toàn tỉnh.
- Phạm vi: Khu vực khai thác có diện tích 4,0 ha tại xã Tân Thuận, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận được xác định bởi các điểm khép góc có tọa độ như sau:

Điểm góc	Hệ tọa độ VN 2000 Bình Thuận, múi chiếu 3 ⁰ kinh tuyến trực 108 ⁰ 30'	
	X (m)	Y (m)
1	1.192.392	428.896
2	1.192.458	428.924
3	1.192.489	428.954
4	1.192.511	428.995
5	1.192.526	429.077
6	1.192.306	429.164
7	1.192.273	429.001
8	1.192.386	428.956

- Quy mô Dự án: Công suất khai thác nguyên khối 30.000 m³/năm, tương đương 36.300 m³ nguyên khai/năm.
- Công nghệ khai thác của dự án: Chuẩn bị khai trường → Xúc bốc → Vận chuyển → Nơi tiêu thụ.
- Công trình chính: Khai trường khai thác.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án:

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án:

Bao gồm tác động từ nước thải sinh hoạt, chất thải rắn, khí thải, bụi phát sinh trong quá trình khai thác, vận chuyển sản phẩm.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

Lưu lượng nước thải sinh hoạt trong giai đoạn xây dựng và giai đoạn vận hành là 0,5 m³/ngày; nước thải sinh hoạt chứa nhiều thành phần hữu cơ và vi sinh vật gây bệnh.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động bốc tâng phủ, quá trình khai thác, vận chuyển,... chứa nhiều thành phần ô nhiễm như: mùi, SO₂, NO_x, CO,...

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Dự án không phát sinh chất thải rắn công nghiệp thông thường.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 02 kg/tháng; thành phần chủ yếu là pin ắc quy chì thải, giẻ lau chứa các thành phần nguy hại,...

2.6. Quy mô, tính chất của chất thải khác: Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong quá trình vận hành khoảng 2,5 kg/ngày, các thành phần chất thải hữu cơ, chất thải vô cơ phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án:

3.1. Về thu gom, xử lý nước thải:

Trong giai đoạn xây dựng, giai đoạn vận hành thử nghiệm và vận hành thương mại: Chủ dự án trang bị nhà vệ sinh di động để xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom xử lý khi chứa đầy.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

Dự án không có công trình xử lý bụi, khí thải, chủ yếu thực hiện biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh trong giai đoạn xây dựng, vận hành như: thường xuyên duy tu, sửa chữa, tưới nước đường vận chuyển; quy định xe vận chuyển phải có bạt che;...

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Dự án không phát sinh chất thải rắn công nghiệp thông thường nên không thực hiện biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý.

3.4. Các công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

Dự án không có công trình xử lý chất thải nguy hại. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các trách nhiệm theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ, với các yêu cầu kỹ thuật, quy

trình quản lý quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 06 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

3.5. Công trình, biện pháp lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải khác:

Chất thải rắn phát sinh trong giai đoạn xây dựng, vận hành được thu gom, quản lý và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý. Quá trình hoạt động, Chủ dự án có trách nhiệm tiến hành thu gom, phân loại, lưu trữ, xử lý toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt đảm bảo các yêu cầu về môi trường và tuân thủ các quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.

3.6. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác

Chủ dự án có trách nhiệm tổ chức thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của tiếng ồn, rung. Trồng cây xanh trong và xung quanh khu vực dự án.

3.7. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

Thực hiện các biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó rủi ro, sự cố sạt lở bờ moong khai thác, tai nạn lao động, cháy nổ,... theo quy định.

3.8. Cải tạo phục hồi môi trường:

1. Giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường: Đáy moong sau khi kết thúc khai thác san gạt và trồng cây xanh.

1.1. Cải tạo, phục hồi môi trường trong giai đoạn 1 (thực hiện song song với quá trình khai thác và hoàn thành khi kết thúc khai thác):

- Lắp đặt biển báo quanh các moong khai thác.
- Củng cố bờ moong khai thác.
- San gạt đáy moong khai thác.
- Trồng cây xung quanh đáy moong, bờ moong và vách ta luy moong.

1.2. Cải tạo, phục hồi môi trường giai đoạn 2 (trong vòng 01 tháng sau khi giấy phép hết hạn):

- Tháo dỡ nhà điều hành.
- San gạt mặt bằng nhà điều hành, trồng cây khu vực nhà điều hành và bãi chứa sản phẩm.
- Duy tu, sửa chữa tuyến đường vận chuyên.

2. Dự toán kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường và phương thức ký quỹ:

- Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường: **841.679.600 đồng** (Tám trăm bốn mươi một triệu, sáu trăm bảy mươi chín ngàn, sáu trăm đồng).

- Số lần thực hiện ký quỹ: 05 lần.
- + Số tiền ký quỹ lần đầu: 210.419.900 đồng.
- + Số tiền ký quỹ các lần tiếp theo (04 lần): 157.814.925 đồng.
- Thời điểm thực hiện ký quỹ:
 - + Lần 1: Trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mở.
 - + Những lần tiếp theo: Trước ngày 31 tháng 01 của năm ký quỹ.
- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Thuận.
- Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2020.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án: Nhà vệ sinh di động.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của dự án:

5.1. Giai đoạn xây dựng

Giám sát chất thải rắn: Thường xuyên theo dõi, giám sát tổng lượng thải chất thải sinh hoạt, chất thải nguy hại (khi có chất thải phát sinh) tại vị trí lưu giữ tạm thời. Các số liệu trên phải thường xuyên được cập nhật hoá, đánh giá và ghi nhận kết quả. Nếu có phát sinh ô nhiễm, dự án có các biện pháp xử lý thích hợp.

5.2. Vận hành thử nghiệm: Dự án không có công trình, thiết bị xử lý chất thải nên không có giai đoạn vận hành thử nghiệm.

5.3. Vận hành thương mại

a. Giám sát chất lượng không khí:

- Vị trí giám sát: 01 điểm tại khu vực moong đang khai thác 500m theo hướng gió và 01 điểm trên tuyến đường vận chuyển.

- Thông số giám sát: Bụi, tiếng ồn, vi khí hậu, CO, SO₂, NO₂.

- Tần suất giám sát: Thực hiện 06 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

b. Giám sát chất thải rắn

Thường xuyên theo dõi, giám sát tổng lượng thải chất thải sinh hoạt, chất thải nguy hại (khi có chất thải phát sinh) tại vị trí lưu giữ tạm thời. Các số liệu trên phải thường xuyên được cập nhật hoá, đánh giá và ghi nhận kết quả. Nếu có phát sinh ô nhiễm, dự án có các biện pháp xử lý thích hợp. Tần suất giám sát: Khi có chất thải phát sinh.

c. Giám sát khác

- Giám sát thường xuyên các hiện tượng sạt lở và các sự cố môi trường để ứng phó kịp thời. Định kỳ 06 tháng/lần quan trắc, trắc địa bờ moong để có cơ sở xác định thông số dịch chuyển đất đá và dự báo nguy cơ sạt lở bờ moong.

- Giám sát thoát nước mỏ: Vào mùa mưa, Công ty sẽ bố trí nhân lực kiểm tra, giám sát khả năng thoát nước tại moong khai thác. Trong trường hợp mưa lớn, Công ty tiến hành dùng hệ thống bơm cưỡng bức và ống dẫn bơm thoát nước tránh gây hiện tượng ngập úng./.